

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2009/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 36/2009/TT-BTC Ngày 26/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 374/TTr-STC ngày 17/3/2009 về quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, (Kèm theo Biên bản họp liên ngành ngày 12/3/2009 giữa Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Có Phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Riêng mức thu tiền nước đối với cấp nước cho Nhà máy kinh doanh nước sạch thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên theo từng thời kỳ.

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh và các ngành có chức năng, UBND cấp huyện, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Các quy định khác liên quan tới thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính Phủ, Thông tư số 36/2009/TT-BTC Ngày 26/02/2009 của Bộ Tài chính và Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 13/11/2006 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc kho Bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các ngành chức năng và các đối tượng thu, nộp thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009 thay thế Quyết định số 1104/2005/QĐ-UBND ngày 17/06/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Như điều 3 (Để thực hiện);
- Liên đoàn lao động tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Báo, Đài PTTH TN;
- Lưu: VT, KTTH, NLN, SXKD;
(VN/T3/17/28b)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Viết Thuận

PHỤ BIỂU
MỨC THU THUỶ LỢI PHÍ, TIỀN NƯỚC TỪ CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 05 /2009/QĐ-UBND ngày 20/3/2009
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức thu (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Đối với các xã miền núi	
	- Tưới tiêu bằng động lực (Máy bơm)	670
	- Tưới tiêu bằng trọng lực (Tự chảy)	566
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	635
2	Đối với các xã miền trung du	
	- Tưới tiêu bằng động lực (Máy bơm)	955
	- Tưới tiêu bằng trọng lực (Tự chảy)	886
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	920

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 60% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức phí trên. (Kể cả cấp nước tạo nguồn cho Bắc Giang)

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức phí trên.

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu thủy lợi phí bằng 40% mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa.

3. Biểu mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, Kênh, cống
1	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp	đồng/m ³	1.500	750
2	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.100	750
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	850	700

4	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	700	500
		đồng/m ² mặt thoáng	2.500	
5	- Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi; - Nuôi cá bè.	% Giá trị sản lượng	7%	
			8%	
6	Vận tải qua tàu thuyền, cống của hệ thống thủy lợi: - Thuyền, sà lan - Các loại bè	đồng/tấn/lượt	6.000	
		đồng/m ² /lượt	1.500	
7	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8%	
8	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân gôn, casino, nhà hàng) - Riêng sử dụng nước cho bể bơi, sân khấu nhạc nước.	Tổng giá trị doanh thu	10%	
		Đồng/m ³	750	

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức thu bằng 40% mức thủy lợi phí đối với đất trồng lúa.

4. Mức thủy lợi phí quy định tại điểm 1, 2 Phụ biểu này được tính ở vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

5. Tổ chức hợp tác dùng nước thoả thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước về mức phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng (kênh nội đồng), nhưng không được vượt quá 25 % mức quy định tại điểm 1, 2 tại Quyết định này.

6. Mức thủy lợi phí của các công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước do đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thoả thuận với hộ dùng nước nhưng không quá mức quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh./.